

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Minh Huyền và bà Lê Thị Thanh
Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành
phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa:** Bà
Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành
phố C, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
152/2024/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST -
HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Đào Thị T, sinh năm xxxx; nơi cư trú: xóm M, thôn M,
xã C (nay là xã H), thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn
xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** anh Phạm Mạnh H, sinh năm xxxx; nơi cư trú: xóm M, thôn M,
xã C (nay là xã H), thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn
xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2024, bản tự khai và quá trình giải
quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị T đều trình bày: chị và anh Phạm Mạnh H
kết hôn vào năm 2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp
pháp tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã H), thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, trước
khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn,
anh chị về sống tại gia đình nhà chồng ở xóm M, thôn M, xã C (nay là xã H), thành
phố C đến nay. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh
mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về suy
nghĩ dẫn đến cãi vã, xô xát làm cho không khí gia đình căng thẳng, mệt mỏi; anh
chị cũng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa. Anh chị đã quyết định ly
thân nhau từ tháng 8/2023 và chị đã chuyển đi nơi khác sinh sống, không ở cùng

anh H và các con nữa. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng không có kết quả. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm dành cho anh H, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị và anh H.

Về con chung: chị và anh Phạm Mạnh H có 03 con chung là: Phạm Quỳnh C, sinh ngày xx/x/xxxx; Phạm Minh T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Phạm Tiến M, sinh ngày xx/xx/xxxx. Khi ly hôn, chị có quan điểm giao cả ba con chung cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc, chị có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con chung mức 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản và vay nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Phạm Mạnh H có quan điểm: anh thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi chung sống của vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Anh cũng thừa nhận quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T lấy lý do đi làm ăn xa, không quan tâm chăm sóc gia đình, anh đã phân tích nhiều lần nhưng chị T không nghe, thậm chí thỉnh thoảng mới gửi tiền về cho các con, khiến anh không còn tin tưởng vào tình cảm vợ chồng dành cho nhau. Khoảng tháng 9/2023, anh chị đã ly thân, không tìm cách hàn gắn tình cảm. Nay chị T có quan điểm xin ly hôn, anh thấy không còn tình cảm dành cho chị T nữa, nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: anh và chị T có ba con chung như chị T trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh xin nuôi dưỡng cả ba con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng cho mỗi con chung mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi mỗi con chung thành niên, vì ba con chung hiện anh đang nuôi dưỡng, vẫn đảm bảo điều kiện phát triển tốt.

Về tài sản chung và vay nợ chung: anh và chị T không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đúng quy định tại các điều 97, 208, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định; nhưng bị đơn không chấp hành quy định, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thị T. Về quan hệ hôn nhân: cho chị T ly hôn với anh H; về con chung: anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung cho đến khi mỗi con chung đến tuổi thành niên, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con chung mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi mỗi con chung đến tuổi thành niên và có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: chị Đào Thị T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Mạnh H hiện cư trú tại xóm M, thôn M, xã C (nay là xã H), thành phố C, tỉnh Quảng Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý

giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Mạnh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tổng đạt họp lệ cho các đương sự; các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào trích lục kết hôn số 110/TLKH-BS ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã H), thành phố C, tỉnh Quảng Ninh thể hiện hôn nhân giữa chị Đào Thị T và anh Phạm Mạnh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, không cùng suy nghĩ dẫn đến cãi vã, xô xát không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất. Anh chị đều thừa nhận không tìm cách hàn gắn mẫu thuẫn gia đình mà sống ly thân, không còn tình cảm và không quan tâm đến nhau nữa.

Theo xác minh tại địa phương thể hiện: nguyên nhân mâu thuẫn của chị T và anh H là do bất đồng quan điểm sống, chưa hợp nhau về tính cách, mặt khác do có khó khăn về phát triển kinh tế dẫn đến anh chị cãi vã, ảnh hưởng đến tình cảm. Khoảng cuối năm 2023, anh chị đã ly thân nhau, chị T đã chuyển đi nơi khác sinh sống, không quay lại với anh H nữa.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh H vắng mặt, thể hiện anh H không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh H là trầm trọng, anh chị đã sống ly thân, không còn sự yêu thương và quan tâm dành cho nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Lời khai về nguyên nhân phát sinh, tình trạng mâu thuẫn của chị T, anh H cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú. Bản thân anh H cũng thừa nhận không còn tình cảm gì với chị T và đồng ý ly hôn với chị T. Nên Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị T về việc xin ly hôn với anh Phạm Mạnh H, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: chị Đào Thị T và anh Phạm Mạnh H có ba con chung là: Phạm Quỳnh C, sinh ngày xx/x/xxxx; Phạm Minh T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Phạm Tiên M, sinh ngày xx/xx/xxxx. Khi ly hôn, chị T có quan điểm giao cả ba con chung cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc, chị có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con chung mức 1.500.000đ/tháng. Quan điểm này của chị T cũng phù hợp với quan điểm của anh H, phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của các con chung và kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú. Do đó, căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cả ba con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T có

nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung mức 1.500.000đ/tháng đến khi mỗi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

Về tài sản và vay nợ chung: chị T và anh H đều trình bày anh chị không có tài sản chung và vay nợ chung, do đó Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: chị Đào Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị T, cho ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Phạm Mạnh H.

2. Về con chung: giao ba con chung là Phạm Quỳnh C, sinh ngày xx/x/xxxx; Phạm Minh T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Phạm Tiến M, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh Phạm Mạnh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi mỗi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đào Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung mức 1.500.000đ/tháng cho đến khi mỗi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ T toán tiền cấp dưỡng nuôi con, thì chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Đào Thị T và anh Phạm Mạnh H không có tài sản chung; không vay nợ chung, nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: chị Đào Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số: 0002486 ngày 01/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả. Chị T còn phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND xã H, Tp C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thu Đông

